CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU KHẢO SÁT NỀN, ĐO KÉO ĐỨT, ĐỘ ẨM PE, ĐIỂM SƯƠNG VÀ CHỌN WORKFLOW EPOXY

Đồng bộ **EFS-01**, **EFS-02**, **EFS-15** · Bật nảy TCVN 9334 · Kéo đứt TCVN 9491 ≥ 1,5 MPa (0 điểm < 1,0 MPa) · Ẩm ≤ 4% & PE ASTM D4263 (16–24h) · ΔT ≥ +3 °C

Mã biểu mẫu: BM-EFS-01
Phiên bản: v1.0 (19/11/2026)
Phụ trách: KTV Khảo sát Trưởng
Lưu hồ sơ: 36 tháng (Kỹ thuật)

Công trình / Phân khu	..... (DT: ..... m^2)	**Ngày & Giờ đo T=0**	.....:..... Ngày ...../...../202... | ☐ Mới ☐ Cải tạo
KTV & Thiết bị đo	..... (Kéo/Ẩm/Nhiệt kế: .....)	**Đại diện Bên A / TVGS**	..... (SĐT: .....)
Vi khí hậu & Điểm sương	Nhiệt KK: ..... °C · %RH: ..... % · $T_{sương}$: ..... °C · Nhiệt nền $T_{sàn}$: ..... °C (Chuẩn 10–35 °C, nền đang nguội/tĩnh) → **ΔT = ... °C** (≥ +3 °C)		

NGUYÊN TẮC KHOANH TRỪ T=0 & RẼ LUỒNG WORKFLOW (EFS-01 · AT-03 · AT-05 · NĐ 13/2023/NĐ-CP): (1) Kéo đứt **TCVN 9491 < 1,5 MPa** (hoặc bất kỳ điểm nào **< 1,0 MPa**) hay bật nảy **TCVN 9334 < 20 MPa**, ngấm dầu → bóc sâu hoặc rẽ **WF-E07** cải tạo gia cường trước lót; (2) Độ ẩm **> 4%** hoặc màng PE **1×1 m ASTM D4263** (ủ 16–24h) đọng sương → buộc cán đệm **Epoxy–Xi măng 3K** (**EFS-15**, **WF-E07**) trước sơn phủ; (3) Ảnh **T=0** chụp góc hẹp vào đồng hồ đo, vùng hư hỏng và ô thử mẫu, không dính mặt người, biển số xe hay màn hình an ninh theo **NĐ 13/2023/NĐ-CP**.

1. KẾT QUẢ ĐO KIỂM CHẨN ĐOÁN HIỆN TRẠNG NỀN GỐC T=0

(Đo đủ điểm đại diện từng lô trước khi chốt phương án)

Hạng mục kiểm định	Phương pháp & Ngưỡng chuẩn	Số đo thực địa (Đ1 / Đ2 / Đ3 / TB)	Phân luồng T=0
1. Cường độ bật nảy nền	Súng bật nảy **TCVN 9334** (≥ 25 MPa chuẩn; < 20 MPa nền yếu)	R1: ..... | R2: ..... | R3: ..... | TB: ..... MPa Tình trạng: ☐ Chắc (≥25) ☐ Vừa ☐ Yếu (<20)	☐ Đạt chuẩn ☐ Gia cường **WF-E07**
2. Kéo đứt bám dính mặt	Máy kéo đứt **TCVN 9491** (TB **≥ 1,5 MPa** · 0 điểm **< 1,0 MPa**)	K1: ..... | K2: ..... | K3: ..... | TB: ..... MPa Phá hủy: ☐ Trong bê tông ☐ Tách lớp mặt yếu	☐ ≥ 1,5 MPa ☐ Bóc tạo nhám lại
3. Độ ẩm nền & Màng PE	Ẩm kế điện dung **≤ 4%** Màng PE 1×1 m **ASTM D4263** (16–24h)	Độ ẩm máy: ..... / ..... / ..... % (TB: ..... %) PE 16–24h: ☐ Khô hẳn ☐ Đọng sương / Đổi màu	☐ ≤ 4% Khô ☐ Đệm 3K **EFS-15**
4. Điểm sương & Nhiệt nền	Nhiệt nền **10–35 °C** (đang tĩnh/nguội) Chênh nhiệt **ΔT ≥ +3 °C** (%RH ≤ 80%)	ΔT thực tế: ..... °C · Xu hướng nền: ☐ Đang nguội/tĩnh ☐ Đang nóng lên Gió lùa / Mưa hắt:	☐ Đạt ΔT ≥ +3 °C ☐ Sấy / Hút ẩm
5. Nền cũ, khe & Khuyết tật	Rà búa bộp (> 400 cm^2), vết nứt tĩnh, khe co giãn động, dầu mỡ, lớp sơn cũ	Loại nền: ☐ BT mới ☐ Sơn cũ ☐ Gạch men ☐ Dầu mỡ ☐ Sau cháy Lỗi T=0 khoanh trừ (nứt/bộp/khe):	☐ Chuẩn **EFS-04** ☐ Cải tạo **WF-E07/08**

2. CHỌN LUỒNG WORKFLOW (WF-E01..WF-E08) VÀ NGHIỆM THU Ô THỬ MẪU

(Tích workflow áp dụng và chốt ô thử mẫu trước đại trà)

☐ **WF-E01 Sơn lăn 3 lớp** 0,25–0,5 mm · Kho, gara (**EFS-07**)	☐ **WF-E02 Gốc nước / Vảy màu** Thoát ẩm, trang trí (**EFS-08**)	☐ **WF-E03 Tự san phẳng 1–3 mm** Phòng sạch, cào gai (**EFS-09**)	☐ **WF-E04 Vữa 4–8 mm / Chống trượt** Xe nâng nặng, DCOF (**EFS-10..11**)
☐ **WF-E05 Sàn chống tĩnh điện ESD** Lưới đồng IEC 61340 (**EFS-12**)	☐ **WF-E06 Kháng hóa chất / PU UV** Bể, trạm sạc, nắng UV (**EFS-13**)	☐ **WF-E07 Chặn ẩm 3K / Cải tạo** >4%, khe, gạch, dầu, cháy (**EFS-15..18**)	☐ **WF-E08 Sửa 5 lỗi / Tái sơn phủ** Bọt, mồ hôi amin, mất cá (**EFS-19..20**)

Vị trí ô thử mẫu	Mã WF, hệ sơn & màu sắc thử	Chỉ số sau thử (Kéo đứt / Bề mặt / Độ dày WFT / Chống trượt)	Bên A duyệt mẫu
Ô mẫu 1:	WF-E.... | Mã hệ/màu:	Kéo đứt: ..... MPa | WFT: ..... µm | Ngoại quan:	☐ Đạt chuẩn ☐ Sửa
Ô mẫu 2:	WF-E.... | Mã hệ/màu:	Kéo đứt: ..... MPa | DCOF/ESD: ..... | Độ ẩm/3K:	☐ Đạt chuẩn ☐ Sửa

XÁC NHẬN MỐC ĐẦU T=0 & Ô THỬ MẪU (ĐIỀU 393 BLDS 2015 · NĐ 13/2023/NĐ-CP): Hai bên thống nhất số liệu **T=0**, danh mục khoanh trừ khuyết tật nền có sẵn và kết quả ô thử mẫu (kèm ..... ảnh góc hẹp đúng NĐ 13/2023) làm chuẩn triển khai đại trà. Công trình nhỏ gửi Zalo/Email lúc .....:..... ngày ...../...../202..., hiệu lực đồng thuận sau **12 giờ** theo **Điều 393 BLDS 2015** khi đã thỏa thuận trong hợp đồng.

KTV KHẢO SÁT SONGANHHYG (Đo kiểm T=0 & Ô thử mẫu)	ĐẠI DIỆN BÊN A / TVGS (Duyệt Workflow & Khoanh trừ T=0)
Xác nhận số đo bật nảy, kéo đứt TCVN 9491, ẩm PE ASTM D4263, điểm sương trung thực. Họ tên & chữ ký:	☐ Ký duyệt trực tiếp · ☐ Xác nhận Zalo/12h (HĐ: .....) Họ tên, chức vụ & chữ ký: